

Bản án số: 18/2023/DS-ST

Ngày 20 tháng 4 năm 2023

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tạ Thanh Hoàng.

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Y Míp Niê.

2. Bà Nguyễn Thị Chinh.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nông Thị Thu Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Trịnh Xuân Trang, chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 256/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về *“Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Vương Đại P - có mặt.

Địa chỉ: Buôn S, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Vương Đại P: Ông Phạm Hải D - có đơn xin xét xử mặt.

Địa chỉ: Khôi 2B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Đình T - có mặt; Bà Nguyễn Thị T - vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 18/10/2022, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Vương Đại P trình bày:*

Vào ngày 18/6/2019, ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị T có ký hợp đồng đầu tư thức ăn chăn nuôi với ông Vương Đại P. Theo đó, ông P có trách nhiệm cung cấp thức ăn chăn nuôi cho ông T, bà T. Ông T, bà T cho ăn theo chương trình hướng dẫn của ông P, đăng ký số lượng 50 con heo thịt, 10 con

heo nái, tổng số tiền dự kiến đầu tư là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), thời gian đầu tư từ ngày 18/6/2019 đến ngày 18/10/2019. Số tiền thực tế dựa vào sổ ký công nợ của hai bên quá thời gian đầu tư thì ông T, bà T phải chịu lãi suất 2%/tháng cho ông P. Thỏa thuận trả gốc và lãi theo thỏa thuận đầu tư đúng thực hiện đã ký kết.

Ông Vương Đại P đã giao đủ số cầm trị giá 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) trong thời gian đầu tư. Đến hạn thanh toán mặc dù ông T, bà T không thanh toán nợ cho ông P nhưng ông P vẫn tiếp tục đầu tư cầm cho ông T, bà T với giá trị 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng). Đồng thời, giữa các bên có lập với nhau 01 giấy nhận nợ tiền cầm đề ngày 20/01/2020 để xác nhận sự việc ông T, bà T còn nợ tiền cầm của ông P với tổng số tiền là 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng), đã trả được cho ông P 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) và còn nợ lại số tiền gốc 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, hẹn đến ngày 20/12/2020 âm lịch trả đủ cả gốc và lãi.

Sau khi viết giấy nhận nợ, ông T, bà T đã trả được cho ông P số tiền gốc 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) vào ngày 13/4/2022. Số tiền gốc ông T, bà T còn nợ lại của ông P là 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng) và lãi phát sinh.

Nay ông Vương Đại P yêu cầu ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền gốc 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng) cho ông Vương Đại P.

Buộc ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị T chịu lãi phát sinh theo mức 1,66%/tháng, từ ngày 20/01/2020 đến ngày 13/4/2022 (26 tháng 24 ngày) trên số nợ gốc 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Số tiền lãi yêu cầu là 53.385.600 đồng (Năm mươi ba triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm đồng).

Buộc ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị T chịu lãi phát sinh theo mức 1,66%/tháng, từ ngày 14/4/2022 đến ngày 20/4/2023 (12 tháng 06 ngày) trên số nợ gốc 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng). Số tiền lãi yêu cầu là 24.302.400 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi ông Vương Đại P yêu cầu ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị T phải trả từ ngày 02/01/2020 đến ngày 20/4/2023 là 182.688.000 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng), trong đó: Nợ gốc 105.000.000 đồng, lãi phát sinh 77.688.000 đồng.

Ông Vương Đại P yêu cầu ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị T phải trả tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng) sau ngày xét xử sơ thẩm (21/4/2023) theo quy định của pháp luật.

*- Bị đơn ông Nguyễn Đình T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:*

Ông Nguyễn Đình T công nhận vào ngày 18/6/2019, ông T và bà T có ký hợp đồng đầu tư thức ăn chăn nuôi với ông Vương Đại P. Nội dung của hợp đồng ngày 18/6/2019 như nguyên đơn đã trình bày. Thời gian đầu tư từ ngày

18/6/2019 đến ngày 18/10/2019. Số tiền thực tế dựa vào sổ ký công nợ của hai bên quá thời gian đầu tư thì ông T, bà T phải chịu lãi suất 2%/tháng cho ông P. Thỏa thuận trả gốc và lãi theo thỏa thuận đầu tư đúng thực hiện đã ký kết.

Ông Vương Đại P đã giao đủ số cầm trị giá 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) trong thời gian đầu tư. Ông T, bà T không thanh toán nợ cho ông P nhưng ông P vẫn tiếp tục đầu tư cầm cho ông T, bà T với giá trị 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

Vào ngày 20/01/2020, các bên có lập với nhau 01 giấy nhận nợ tiền cầm để xác nhận sự việc ông T, bà T còn nợ tiền cầm của ông P với tổng số tiền là 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng), đã trả được cho ông P 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) và còn nợ lại số tiền gốc 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, hẹn đến ngày 20/12/2020 âm lịch trả đủ cả gốc và lãi.

Sau khi viết giấy nhận nợ, ông T, bà T đã trả được cho ông P số tiền gốc 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) vào ngày 13/4/2022. Số tiền gốc ông T, bà T còn nợ lại của ông P là 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng) và lãi phát sinh.

Nay ông Vương Đại P yêu cầu ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền gốc 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng) và lãi phát sinh thì ý kiến của ông T như sau: Ông T đề nghị ông P cho ông T, bà T chỉ trả số nợ gốc 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng). Đối với số tiền lãi phát sinh thì ông T đề nghị ông P miễn cho ông T, bà T.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:* Bà Nguyễn Thị T là vợ của ông Nguyễn Đình T. Bà Nguyễn Thị T công nhận bà T và ông Nguyễn Đình T có nợ tiền cầm của ông Vương Đại P là 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng), khi chốt nợ các bên có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng đối với số nợ trên. Bà Nguyễn Thị T đồng ý trả số tiền gốc 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng) cho ông Vương Đại P. Đối với số tiền lãi phát sinh thì bà đề nghị ông Vương Đại P miễn cho ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị T. Sự việc tranh chấp bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*Về Tố tụng:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông Vương Đại P và bị đơn ông Nguyễn Đình T chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự; Bị đơn bà Nguyễn Thị T chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự.

*Về nội dung vụ án:* Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Về án phí:* Đề nghị Tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho ông Vương Đại P số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị T có nơi cư trú tại thôn Thanh Xuân, xã Ea Dăh, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập Nguyễn Thị T hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị T.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Số tiền bị đơn nợ của nguyên đơn: Ông Vương Đại P cung cấp cho Tòa án một giấy nhận nợ tiền cầm đề ngày 20/01/2020. Trong giấy nhận nợ thể hiện số tiền gốc ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị T nợ của ông Vương Đại P là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), lãi suất theo thỏa thuận là 2%/tháng, hạn đến ngày 20/12/2020 âm lịch trả đủ cả gốc và lãi. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận ông T, bà T đã trả cho ông P số tiền gốc 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) vào ngày 13/4/2022. Số tiền gốc còn lại của ông T, bà T chưa trả cho ông P là 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng).

Ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị T không trả tiền cho bà Trần ông Vương Đại Phung theo đúng cam kết trong giấy nhận nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự. Đồng thời, ông T, bà T còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Từ những phân tích ở trên, Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị T phải liên đới trả cho ông Vương Đại P số tiền gốc 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng) cùng lãi phát sinh là phù hợp.

[3.2] Về số tiền lãi phát sinh, thời hạn trả nợ: Căn cứ vào ký hợp đồng đầu tư thức ăn chăn nuôi ngày 18/6/2019 và giấy nhận nợ tiền cầm đề ngày 20/01/2020 thì xác định được lãi suất các bên thể hiện với nhau là 2%/tháng. Tuy nhiên, mức lãi suất này là không phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng/số tiền vay/thời

hạn chậm trả. Mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu ở thời điểm hiện tại 1,66%/tháng là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo quy định của pháp luật thì bị đơn phải trả tiền lãi trong hạn, quá hạn, chậm trả đối với lãi trong hạn đối với khoản vay và thời hạn trả nợ theo đúng cam kết của giấy nhận nợ. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất theo mức 1,66%/tháng/trên số nợ gốc là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận, đồng thời buộc ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền lãi phát sinh cho ông Vương Đại P từ ngày nhận nợ (20/01/2020) đến ngày xét xử sơ thẩm (20/4/2024) là 77.688.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Tổng số tiền ông Nguyễn Đình T T, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Vương Đại P tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/4/2023/2023) là 182.688.000 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Ông Vương Đại P yêu cầu ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm. Xét việc yêu cầu tính lãi trên của ông Vương Đại P phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Vương Đại P được chấp nhận nên ông P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Vương Đại P được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Không Năng tỉnh Đắk Lắk.

Ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị T thuộc hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 161; khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, các điều từ 430 đến 436, Điều 440, Điều 453, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vương Đại P.

Buộc ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị T phải liên đới trả cho ông Vương Đại P số tiền 182.688.000 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng), trong đó: Nợ gốc 105.000.000 đồng, lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm 77.688.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*Về án phí:* Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị T.

Ông Vương Đại P không phải chịu án dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 4.320.000 đồng (Bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông Vương Đại P đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0021974 ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Tạ Thanh Hoàng**

